

Bản án số: 37/2021/HSST

Ngày: 28/01/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Bùi Thị Thúy Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:** Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Quốc M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 198B/79 Dương Bá Trạc, Phường X, Quận Y, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02 tháng 4 năm 2007 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 97/2007/HSST, ngày 25 tháng 5 năm 2007 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 54/2007/HSST (tổng hợp hình phạt với bản án số 97/2007/HSST, chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù), ngày 02 tháng 8 năm 2007 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 220/2007/HSST (tổng hợp hình phạt với bản án số 54/2007/HSST, chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù); bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Bà Huỳnh Thị Minh H, sinh năm: 1995; chỗ ở hiện nay: 400 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm: 1974; chỗ ở hiện nay: 198B/79 Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Ý N, sinh năm: 1997. (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Vũ Trí N, sinh năm: 1993. (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 27 tháng 7 năm 2020, bà Huỳnh Thị Minh H điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển kiểm soát 86B1-531.62 chở bà Nguyễn Ý Nhi dừng đợi đèn đỏ tại giao lộ Mạc Đĩnh Chi – Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1. Khi dừng đèn đỏ, bà H lấy điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng ra sử dụng. Sau đấy cất điện thoại vào túi quần trước bên phải, do túi quần ngắn nên điện thoại bị nhô ra một phần. Lúc này, Đỗ Quốc M điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đỏ, biển kiểm soát 54L6-8199 dừng ngang bên phải xe bà H, dùng tay trái lấy chiếc điện thoại di động của bà H để trong túi quần rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Mạc Đĩnh Chi, bà H phát hiện nên tri hô rồi tăng ga đuổi theo M. Trong lúc bỏ chạy M làm rớt điện thoại của bà H xuống đường tại trước số 08 đường Mạc Đĩnh Chi thì ông Nguyễn Minh H chứng kiến nhất được. Khi M chạy đến trước số 09 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Bến Nghé, Quận 1 thì bị bà H điều khiển xe tông vào sau xe của M dẫn đến hai xe ngã, lúc này có ông Nguyễn Vũ Trí N chứng kiến việc bà H vừa truy đuổi M vừa tri hô cướp nên đã hỗ trợ bắt giữ M và thu hồi vật chứng đưa M về Công an phường Bến Nghé, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, M không thừa nhận hành vi điều khiển xe mô tô dùng tay chiếm đoạt điện thoại di động của bà H, nhưng căn cứ lời khai của bị hại là bà H phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bà N, ông N và ông H, phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, hình ảnh camera và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được nên có căn cứ xác định Đỗ Quốc M có

hành vi cướp giật điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng của bà H (bút lục 17-22, 41-94, 102-109, 180-182).

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 177/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, dung lượng 64GB, số imei: 353906108098253 có giá là 19.000.000 đồng (bút lục 115).

Bản cáo trạng số: 189/CT-VKS ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Đỗ Quốc M về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng đã công bố đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án. Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, nhưng căn cứ lời khai của bị hại bà H phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà N, ông N và ông H; phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, hình ảnh camera và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo nên có căn cứ để xác định bị cáo M đã có hành vi dùng tay trái lấy chiếc điện thoại của bà H rồi nhanh chóng tăng ga xe để tẩu thoát. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân rất xấu đã hai lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và một lần bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, trong quá trình điều tra bị cáo quanh co chối tội, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù, miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353906108098253 đã thu hồi trả lại người bị hại bà H và bà H không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 54L6-8199, số máy 5P11228588, số khung: RLCN5P110AY228587 đã trả lại cho bà L là chủ sở hữu nên không xét.

- 02 đĩa CD ghi hình lại quá trình phạm tội của bị cáo M cần tiếp tục lưu hồ sơ.

- 01 áo thun màu xám; 01 quần jean màu xanh; 01 nón bảo hiểm đỏ-trắng, có chữ “Go Viet”, 01 đôi dép màu trắng không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu LG G6, số imei: 355404080111458 cần xem xét trả lại cho bị cáo M, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tại phiên tòa, bị cáo M không thừa nhận hành vi dùng tay trái lấy chiếc điện thoại của bị hại bà H, bị cáo không có ý kiến về bản kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không bị oan, thừa nhận trong quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, nhục hình, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì, không nói lời sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo quanh co nhằm chối bỏ toàn bộ những hành vi sai trái do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến về bản kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không bị oan, không bị ép cung, nhục hình, bị cáo không thừa nhận lấy điện thoại của bị hại. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị hại bà H phù hợp với lời khai của người làm chứng bà N, ông N và ông H; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, hình ảnh camera, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, bản tường trình, kết luận định giá tài sản (thể hiện tại bút lục 17-22, 41-94, 102-109, 180-182),... nên có căn cứ để kết luận, khoảng 11 giờ 15 phút ngày 27 tháng 7 năm 2020, bị cáo M đã có hành vi sử dụng xe mô tô, dùng tay trái lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353906108098253 trong túi quần của bà H rồi tăng ga xe bỏ chạy rồi bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo M đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo không bị ép cung, nhục hình, không kêu oan (bút lục 174, 190). Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, bị cáo sử dụng xe gắn máy chiếm đoạt tài sản là sử dụng phương tiện nguy hiểm có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 19.000.000 đồng (bút lục 115). Bị cáo có nhân thân rất xấu đã hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, một lần bị xét xử về tội cố ý gây thương tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật; trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo quanh co nhằm chối tội, không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, gây trở ngại, khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên cần phải có mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo M có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số imei: 353906108098253 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi và trả lại người bị hại bà H, bà H không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét (bút lục 110).

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 54L6-8199, số máy 5P11228588, số khung: RLCN5P110AY228587 thu giữ của bị cáo M. Qua xác minh xe do bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm: 1974, trú tại 198B/79 Dương Bá Trạc, Phường X, Quận Y, Thành phố H đứng tên sở hữu. Bà L khai cho bị cáo M mượn xe nhưng không biết bị cáo M sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi

phạm tội và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại xe cho bà L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xét (bút lục 124-128, 134).

- Đối với 02 đĩa CD ghi hình lại quá trình phạm tội của bị cáo M cần tiếp tục lưu hồ sơ.

- Đối với 01 áo thun màu xám; 01 quần jean màu xanh; 01 nón bảo hiểm đỏ-trắng, có chữ “Go Viet”, 01 đôi dép màu trắng thu giữ của bị cáo M. Bị cáo M không nhận lại và xét không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu LG G6, số imei: 355404080111458 thu giữ của bị cáo M. Xét không liên quan đến vụ án cần xem xét trả lại cho bị cáo M, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên án về tội cướp giật tài sản: Tuyên bố: Đỗ Quốc M phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Đỗ Quốc M 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) đĩa CD ghi hình lại quá trình phạm tội của bị cáo Đỗ Quốc M.

Tiêu hủy 01 (một) áo thun màu xám; 01 (một) quần jean màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm đỏ-trắng, có chữ “Go Viet”, 01 (một) đôi dép màu trắng.

Trả lại bị cáo Đỗ Quốc M 01 (một) điện thoại di động hiệu LG G6, số imei: 355404080111458, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số: 99-20/PNK ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Đỗ Quốc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Đỗ Quốc M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Huỳnh Ngọc Tuấn**

